

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 06/01/2021.
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Phiên tòa: bà Hồ Thị Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/- Ông Tôn Văn Hùng;

2/- Ông Huỳnh Ngọc Trí.

- Thư ký phiên tòa: bà Tăng Thị Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Liễu – kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 309/2020/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2020, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Đặng Thị H, sinh năm 1981.

Địa chỉ: ấp Thanh Sơn, xã Thanh Hòa, thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện nay: số 129, đường Trần Xuân Hòa, khu phố 1, phường 1, thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang..

- Bị đơn: ông Trương Quang H1, sinh năm 1978.

Địa chỉ: ấp thanh Sơn, xã Thanh Hòa, thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Bà H và ông H1 vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị H trình bày: bà và ông Trương Quang H1 là vợ chồng chung sống với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên tranh cãi nhau, ông H1 không chăm lo cho gia đình, thường xuyên vô cớ xúc phạm nhân phẩm, danh dự của bà. Bà và ông H1 chung sống không hạnh phúc nên ly thân nhau từ tháng 5/2019 đến nay.

Bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trương Quang H1.

- Về con chung: bà và ông H1 có 01 con chung tên Trương Đặng Ngọc H2 sinh ngày 27/8/2007. Ly hôn bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông H1 phải cấp dưỡng cho con.

- Tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn ông Trương Quang H1 trình bày: ông không đồng ý ly hôn, mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng và hứa sẽ lo làm ăn, không uống rượu nữa.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn, bà Đặng Thị H vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn ông Trương Quang H1 vắng mặt không lý do.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa xác định: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự chưa phát hiện vi phạm nên không kiến nghị gì. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại Phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Bà Đặng Thị H là nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà H.

Ông Trương Quang H1 là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt tại Phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông H1.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Giữa bà Đặng Thị H và ông Trương Quang H1 chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Theo đơn khởi kiện, bà Đặng Thị H xác định cuộc sống vợ chồng giữa bà và ông Trương Quang H1 mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt và đã ly thân nhau nên bà yêu cầu ly hôn với ông H1.

Ông Trương Quang H1 có bản khai mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng và hứa khắc phục nhưng ông không tham phiên tòa để trình bày giải pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng chứng tỏ ông không còn quan tâm đến tình trạng hôn nhân của ông với bà H nên Hội đồng xét xử có cơ sở xác định tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa ông và bà H không còn hàn gắn được.

Thấy rằng: tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông H1 là trầm trọng không còn khả năng hàn gắn nên bà H xin ly hôn với ông H1 là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung:

Cháu Trương Đặng Ngọc H2 là con chung của bà H và ông H1 có bản khai xác định nguyện vọng sống chung với bà H.

Ông H1 không có văn bản thể hiện ý kiến về việc nuôi con chung theo yêu cầu khởi kiện của bà H.

Thấy rằng: Yêu cầu nuôi con chung của bà H là phù hợp với nguyện vọng của con, nên tiếp tục giao cho chị Thi nuôi dưỡng 01 con chung là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Ghi nhận bà H không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng cho con.

[4]. Về tài sản chung: bà H không yêu cầu giải quyết.

[5]. Về án phí:

Bà H phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ vào:**

- Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Xử:**

1. Quan hệ hôn nhân

Chấp nhận cho bà Đặng Thị H được ly hôn với ông Trương Quang H1.

2. Con chung:

- Giao 01 con chung tên Trương Đặng Ngọc H2 sinh ngày 27/8/2007 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận bà H không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng cho con.

Ông H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản.

3. Án phí: bà H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0889 ngày 06/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy nên chị Thi không phải nộp tiếp tiền án phí.

4. Quyền kháng cáo:

Bà H và ông H1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Tiền Giang;
- VKSND TX Cai Lậy;
- Chi cục THADS TX Cai Lậy;
- Các đương sự: Tài, Thu;
- UBND phường 1, thị xã Cai Lậy;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa Phiên tòa

HỒ THỊ ÁNH TUYẾT